

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-07-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học.

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1994 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Tiêu Quốc S, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hồ G, xã Tam Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà L và ông S có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại ấp Hồ G, xã Tam Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau, đến cuối năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc, bà L không nhận được sự quan tâm, chăm sóc từ ông S, đồng thời ông S không chung thủy trong vấn đề tình cảm nên bà L và ông S sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay, thời gian ly thân ông S

cũng không hàn gắn hôn nhân với bà L. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Tiêu Quốc S.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Tiêu Quốc S:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông S không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà L yêu cầu ly hôn, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông S vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Ngọc L và ông Tiêu Quốc S vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Ngọc L yêu cầu ly hôn với ông Tiêu Quốc S, ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà L với ông S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Trần Ngọc L có đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử đề ngày 31 tháng 5 năm 2019 do đi làm ăn xa, yêu cầu này của bà L là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Tiêu Quốc S đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tiêu Quốc S.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc L và ông Tiêu Quốc S có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huệ, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 112/2014, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 16 tháng 10 năm 2013. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Trần Ngọc L và ông Tiêu Quốc S được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà L và ông S phát sinh mâu thuẫn về tài chính, ông S không chung thủy trong vấn đề tình cảm. Bà L không nhận được sự quan

tâm, chăm sóc từ ông S. Bà và ông S sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tiêu Quốc S.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông S không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà L, thực tế thấy rằng Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông S không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, trong thời gian ly thân bà L và ông S vẫn không khắc phục được mâu thuẫn chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc L đối với ông Tiêu Quốc S theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Trần Ngọc L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Ngọc L và ông Tiêu Quốc S.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.
4. Về án phí: Bà Trần Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016371 ngày 18 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh